

Số: *12* /2014/QĐ-BND

Ninh Bình, ngày *05* tháng *5* năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về hoạt động Đo đạc và Bản đồ
trên địa bàn tỉnh Ninh Bình**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 12/2002/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ về hoạt động Đo đạc và Bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 102/2008/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2008 của Chính phủ về việc thu thập quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 173/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Thông tư số 32/2010/TT-BTNMT ngày 08 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về cấp phép hoạt động đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Thông tư số 14/2011/TT-BTNMT ngày 15 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2010/TT-BTNMT ngày 08 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về cấp phép hoạt động đo đạc và bản đồ;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về hoạt động Đo đạc và Bản đồ trên địa bàn tỉnh Ninh Bình”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu VT, VP2,3,4,5;
NA/05

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đinh Văn Điển

QUY ĐỊNH

Về hoạt động Đo đạc và Bản đồ trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 12 /2014/QĐ-UBND
ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)*

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về hoạt động Đo đạc và Bản đồ trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. Những nội dung liên quan đến hoạt động Đo đạc và Bản đồ không trong Quy định này được thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước về hoạt động Đo đạc và Bản đồ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có hoạt động liên quan đến lĩnh vực hoạt động Đo đạc và Bản đồ và sử dụng các sản phẩm Đo đạc và Bản đồ trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 3. Quyền lợi, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân

1. Quyền lợi.

a) Tổ chức, cá nhân được thực hiện hoạt động Đo đạc và Bản đồ theo quy định của pháp luật trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

b) Tổ chức, cá nhân được sử dụng các sản phẩm Đo đạc và Bản đồ theo quy định của pháp luật và Quy định này.

c) Khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ về Đo đạc và Bản đồ trong phạm vi pháp luật cho phép.

2. Trách nhiệm.

a) Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm giữ gìn, bảo vệ các công trình, sản phẩm Đo đạc và Bản đồ theo quy định của pháp luật và Quy định này và không được cản trở hoặc gây khó khăn cho người có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ về Đo đạc và Bản đồ.

b) Tổ chức, cá nhân khi khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu Đo đạc và Bản đồ phải nộp phí và lệ phí theo quy định của pháp luật.

c) Nghiêm cấm các hoạt động Đo đạc và Bản đồ gây hại hoặc có nguy cơ gây hại cho quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

d) Tổ chức, cá nhân được cấp Giấy phép hoạt động Đo đạc và Bản đồ trên địa bàn tỉnh phải báo cáo tình hình hoạt động về Sở Tài nguyên và Môi trường theo đúng quy định tại Quyết định số 04/2007/QĐ-BTNMT ngày 27 tháng 02 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

Điều 4. Hoạt động Đo đạc và Bản đồ

Hoạt động Đo đạc và Bản đồ nhằm tạo ra các công trình, sản phẩm Đo đạc và Bản đồ để phục vụ mục đích chuyên dụng trên địa bàn tỉnh, bao gồm:

1. Thiết lập hệ thống điểm đo đạc cơ sở chuyên dụng.
 - a) Lưới tọa độ địa chính.
 - b) Lưới độ cao hạng IV, độ cao kỹ thuật.
 - c) Lưới tọa độ, độ cao phục vụ mục đích riêng của từng ngành như: lưới quan trắc biến dạng công trình, lưới trắc địa phục vụ công tác quy hoạch, công tác thủy văn, thăm dò địa chất, khai thác khoáng sản.
2. Xây dựng hệ thống bản đồ.
 - a) Bản đồ địa chính các tỷ lệ phục vụ công tác quản lý đất đai.
 - b) Bản đồ địa hình các tỷ lệ phục vụ mục đích chuyên ngành như: đất đai, nông nghiệp, lâm nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy sản, xây dựng, khai thác tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước, thủy văn.
 - c) Bản đồ hành chính các huyện, thị xã, thành phố.
 - d) Hệ thống bản đồ chuyên đề như: Bản đồ địa giới hành chính, Bản đồ hiện trạng sử dụng đất, Bản đồ quy hoạch đất đai các cấp.

3. Cắm mốc giới.

Mốc địa giới hành chính, mốc quy hoạch xây dựng, mốc quy hoạch sử dụng đất, mốc lộ giới giao thông, tài nguyên khoáng sản, khí tượng thủy văn và các loại công trình khác theo quy định của Nhà nước.

4. Xây dựng hệ thống thông tin.

- a) Hệ thống thông tin địa lý chung.
- b) Hệ thống thông tin đất đai.
- c) Hệ thống thông tin địa lý chuyên ngành.

Điều 5. Hệ quy chiếu và hệ tọa độ

1. Hệ thống điểm đo đạc cơ sở, hệ thống bản đồ, hệ thống thông tin quy định tại Điều 4 của Quy định này phải thiết lập ở hệ quy chiếu và Hệ tọa độ VN-2000.

2. Những công trình đang triển khai ở hệ tọa độ HN-72 được phép tiếp tục thực hiện, nhưng phải chuyển kết quả cuối cùng sang hệ tọa độ VN-2000.

3. Trường hợp được cấp có thẩm quyền cho phép lập lưới tọa độ, độ cao giả định phải có phương án đo nối với hệ tọa độ, độ cao Nhà nước, đồng thời phải xây dựng hệ thống mốc ổn định lâu dài để đo nối sau này.

Điều 6. Quản lý hoạt động Đo đạc và Bản đồ

1. Tổ chức, cá nhân hoạt động Đo đạc và Bản đồ trên địa bàn tỉnh phải có Giấy phép hoạt động Đo đạc và Bản đồ do Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam cấp.

2. Điều kiện, trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp, gia hạn, bổ sung Giấy phép hoạt động Đo đạc và Bản đồ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 32/2010/TT-BTNMT ngày 08 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về cấp phép hoạt động đo đạc và bản đồ và Thông tư số 14/2011/TT-BTNMT ngày 15 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2010/TT-BTNMT ngày 08 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về cấp phép hoạt động đo đạc và bản đồ.

3. Tổ chức, cá nhân hoạt động Đo đạc và Bản đồ trên địa bàn tỉnh phải lập báo cáo định kỳ tình hình hoạt động hàng năm theo mẫu tại Quyết định số 04/2007/QĐ-BTNMT ngày 27 tháng 02 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành Quy định về báo cáo trong hoạt động đo đạc và bản đồ gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường chậm nhất là ngày 05 tháng 01 năm sau. Ngoài ra, khi có một trong những thay đổi sau: thay đổi người chịu trách nhiệm trước pháp luật hoặc người phụ trách kỹ thuật chính; thay đổi lớn về lực lượng kỹ thuật hoặc thiết bị, công nghệ; thay đổi địa chỉ trụ sở chính so với thời điểm cấp phép thì phải báo cáo bằng văn bản về Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam và Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 7. Quản lý việc thành lập, xuất bản và chất lượng sản phẩm Đo đạc và Bản đồ

1. Quản lý việc thành lập, xuất bản.

Tổ chức, cá nhân có Giấy phép hoạt động Đo đạc và Bản đồ khi tiến hành thành lập, xuất bản và phát hành sản phẩm bản đồ trên địa bàn tỉnh phải thực hiện theo đúng quy định tại Điều 6, Nghị định số 12/2002/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ về hoạt động Đo đạc và Bản đồ.

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu Đo đạc và Bản đồ trên địa bàn tỉnh phải có văn bản gửi Sở Tài nguyên và Môi trường thỏa thuận trước khi thực hiện.

2. Quản lý chất lượng sản phẩm Đo đạc và Bản đồ.

Tổ chức, cá nhân khi tiến hành thành lập, xuất bản và phát hành sản phẩm Đo đạc và Bản đồ trên địa bàn tỉnh phải tự chịu trách nhiệm về chất lượng. Các sản phẩm Đo đạc và Bản đồ khi sử dụng làm tài liệu, hồ sơ phục vụ công tác quản lý Nhà nước trong các lĩnh vực phải được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thẩm định.

3. Ấn phẩm bản đồ phải ghi rõ cơ sở pháp lý, cơ sở toán học, nguồn gốc xuất xứ, được cơ quan có thẩm quyền xác nhận mới được lưu hành sử dụng. Nếu xuất bản phải có Giấy phép theo quy định của Luật Xuất bản. Các loại bản đồ không có Giấy phép xuất bản hoặc chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác nhận thì không được sử dụng để giải quyết những công việc mang tính pháp lý và treo ở công sở.

Điều 8. Kiểm tra, thẩm định các sản phẩm Đo đạc và Bản đồ

Tất cả các sản phẩm Đo đạc và Bản đồ đều được kiểm tra, thẩm định trước khi đưa vào sử dụng.

1. Đối với các sản phẩm Đo đạc và Bản đồ cơ bản, sản phẩm Đo đạc và Bản đồ được sử dụng làm tài liệu, hồ sơ phục vụ mục đích quản lý tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh như sau:

a) Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định về sự phù hợp với hồ sơ quản lý đất đai và hiện trạng sử dụng đất đai tại địa phương.

b) Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định chất lượng trước khi thực hiện các thủ tục hành chính theo quy định.

c) Các công trình sản phẩm Đo đạc và Bản đồ do các đơn vị được Ủy ban nhân dân tỉnh giao thực hiện bằng vốn ngân sách tỉnh thì ngoài nội dung kiểm tra, thẩm định quy định tại điểm a, điểm b của Khoản này, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định về tiêu chuẩn kỹ thuật, định mức, đơn giá thực hiện.

2. Đối với các sản phẩm Đo đạc và Bản đồ thuộc các lĩnh vực chuyên ngành khác trên địa bàn tỉnh thì cơ quan chuyên môn cao nhất quản lý chuyên ngành đó có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định chất lượng trước khi thực hiện các thủ tục hành chính theo quy định.

3. Việc kiểm tra, thẩm định chất lượng công trình, sản phẩm Đo đạc và Bản đồ được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 05/2009/TT-BTNMT ngày 01 tháng 6 năm 2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Hướng dẫn kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm địa chính và các quy định khác về quản lý công trình sản phẩm Đo đạc và Bản đồ chuyên ngành.

4. Tổ chức, cá nhân có sản phẩm Đo đạc và Bản đồ được cơ quan Nhà nước kiểm tra, thẩm định chất lượng sản phẩm có trách nhiệm nộp lệ phí thẩm định theo quy định.

5. Khi sử dụng các sản phẩm Đo đạc và Bản đồ đã được cơ quan quản lý cấp trên kiểm tra, thẩm định chất lượng thì cơ quan cấp dưới không phải kiểm tra, thẩm định lại.

Điều 9. Quản lý và bảo vệ các công trình xây dựng đo đạc

1. Công trình xây dựng đo đạc là tài sản của Quốc gia. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm bảo quản, gìn giữ và tuyên truyền, giáo dục công dân có ý thức bảo vệ các công trình này.

2. Mọi tổ chức, cá nhân khi sử dụng các điểm mốc đo đạc cơ sở quốc gia, các điểm mốc đo đạc chuyên dụng phải báo cáo với Ủy ban nhân dân cấp xã sở tại có mốc; khi sử dụng phải gìn giữ, bảo vệ, không làm hư hỏng hoặc ảnh hưởng đến dấu mốc đo đạc.

3. Khi hoàn thành việc xây dựng các dấu mốc đo đạc, đơn vị thực hiện nhiệm vụ đo đạc phải lập Biên bản bàn giao dấu mốc kèm theo sơ đồ ghi chú vị trí mốc và tình trạng mốc tại thực địa cho Cán bộ địa chính cấp xã với sự xác nhận của chủ sử dụng đất nơi đặt dấu mốc; khi hoàn thành dự án đo đạc, đơn vị đo đạc phải bàn giao toàn bộ số lượng dấu mốc kèm theo bản Ghi chú điểm cho Sở Tài nguyên và Môi trường.

4. Chủ sử dụng đất và chủ sở hữu công trình khi tiến hành cải tạo hoặc xây dựng công trình nơi có dấu mốc đo đạc có trách nhiệm bảo vệ dấu mốc đo đạc đó, đồng thời phải thông báo cho Cán bộ địa chính cấp xã.

Điều 10. Lưu trữ, cung cấp thông tin, tư liệu Đo đạc và Bản đồ

1. Quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, tư liệu Đo đạc và Bản đồ thực hiện theo quy định tại Nghị định số 102/2008/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2008 của Chính phủ về việc thu thập quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về Tài nguyên và Môi trường, các quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường và UBND tỉnh.

2. Các tổ chức, cá nhân khi hoàn thành công trình Đo đạc và Bản đồ thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này phải bàn giao 01 (một) bộ tài liệu, sản phẩm cho các đơn vị theo phân cấp tại khoản 1, 2 và 3, Điều 8 của Quy định này để quản lý, khai thác và sử dụng theo quy định.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

Điều 11. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chuyên môn có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý Nhà nước về lĩnh vực Đo đạc và Bản đồ trên địa bàn tỉnh, có trách nhiệm:

1. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản áp dụng pháp luật về lĩnh vực Đo đạc và Bản đồ.

2. Xây dựng kế hoạch 5 năm và hàng năm; chương trình, đề án, dự án tổng thể về lĩnh vực Đo đạc và Bản đồ trên địa bàn tỉnh đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt làm cơ sở triển khai các hoạt động Đo đạc và Bản đồ trên địa bàn tỉnh.

3. Thẩm định các Dự án, Phương án kỹ thuật, Thiết kế kỹ thuật - dự toán công trình Đo đạc và Bản đồ trên địa bàn tỉnh. Thẩm định chất lượng sản phẩm Đo đạc và Bản đồ chuyên ngành Tài nguyên và Môi trường. Thẩm định hoặc tham gia thẩm định các dự án, chất lượng sản phẩm liên quan đến Đo đạc và Bản đồ do chủ đầu tư đề nghị. Thẩm định chất lượng dữ liệu Đo đạc và Bản đồ.

4. Thẩm định hồ sơ của tổ chức, cá nhân xin cấp, gia hạn hoặc bổ sung Giấy phép hoạt động Đo đạc và Bản đồ gửi Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam cấp giấy phép theo quy định.

5. Kiểm tra đột xuất và định kỳ việc chấp hành các quy định pháp luật về hoạt động Đo đạc và Bản đồ của các tổ chức, cá nhân hoạt động Đo đạc và Bản đồ trên địa bàn tỉnh. Báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh định kỳ các hoạt động Đo đạc và Bản đồ trên địa bàn tỉnh. Kiểm tra, thanh tra các hoạt động Đo đạc và Bản đồ theo thẩm quyền.

6. Hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện việc điều tra, khảo sát, đo đạc, đánh giá, lập và chỉnh lý biên động bản đồ địa chính, bản đồ hiện trạng sử dụng đất và bản đồ quy hoạch sử dụng đất; thống kê, kiểm kê đất đai và xây dựng hệ thống thông tin đất đai cấp tỉnh.

7. Tổ chức, quản lý việc triển khai các hoạt động Đo đạc và Bản đồ theo quy hoạch, kế hoạch; quản lý chất lượng các công trình sản phẩm Đo đạc và Bản đồ; thống nhất quản lý toàn bộ hệ thống tư liệu Đo đạc và Bản đồ tại địa phương; quản lý việc bảo mật, lưu trữ, cung cấp khai thác sử dụng thông tin tư liệu Đo đạc và Bản đồ; quản lý việc bảo vệ các công trình xây dựng Đo đạc và Bản đồ.

8. Quản lý và tổ chức thực hiện việc xây dựng, cập nhật, khai thác hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật Đo đạc và Bản đồ tại địa phương, bao gồm: hệ thống điểm đo đạc cơ sở, cơ sở dữ liệu nền thông tin địa lý, hệ thống địa danh trên bản đồ, hệ thống bản đồ địa chính, hệ thống bản đồ hành chính, bản đồ nền, bản đồ chuyên đề phục vụ các mục đích chuyên dụng, bản đồ địa hình trong phạm vi tỉnh.

9. Theo dõi việc xuất bản, phát hành bản đồ trên địa bàn tỉnh và kiến nghị với cơ quan quản lý về xuất bản, đình chỉ phát hành, thu hồi các ấn phẩm bản đồ có sai sót về thể hiện địa giới hành chính các cấp, địa danh thuộc địa phương; ấn phẩm bản đồ có sai sót nghiêm trọng về kỹ thuật hoặc có nội dung vi phạm quy định của Luật Xuất bản.

10. Quản lý các dấu mốc đo đạc, cung cấp các tài liệu, số liệu về hệ thống toạ độ, độ cao thuộc thẩm quyền của tỉnh quản lý theo quy định của pháp luật.

11. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính xây dựng quy định về thu phí kiểm tra, thẩm định chất lượng sản phẩm Đo đạc và Bản đồ; phí và lệ phí khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu Đo đạc và Bản đồ, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định và tổ chức thực hiện.

12. Hướng dẫn thực hiện Quy định này.

Điều 12. Trách nhiệm của các Sở, Ban, Ngành có liên quan

1. Các Sở, Ban, Ngành có liên quan căn cứ tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật về Đo đạc và Bản đồ chuyên dụng của Bộ, Ngành chủ quản, xây dựng văn bản hướng dẫn áp dụng phù hợp với điều kiện của tỉnh, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

2. Các cơ quan có nhu cầu Đo đạc và Bản đồ bằng nguồn vốn ngân sách trên địa bàn tỉnh phải lập kế hoạch hoặc dự án gửi Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để đảm bảo không chồng chéo với các kế hoạch, dự án của các ngành, các đơn vị về Đo đạc và Bản đồ, trừ các dự án liên quan đến an ninh, quốc phòng.

3. Cơ quan, tổ chức được giao kế hoạch thực hiện các công trình, sản phẩm Đo đạc và Bản đồ bằng nguồn vốn ngân sách của tỉnh phải quản lý kế hoạch hàng năm trên cơ sở dự án được lập theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật do Bộ Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

Điều 13. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã

1. Chỉ đạo thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước về quản lý hoạt động Đo đạc và Bản đồ trên địa bàn.
2. Tuyên truyền, phổ biến cho nhân dân tham gia bảo vệ các công trình, sản phẩm Đo đạc và Bản đồ có trên địa bàn.
3. Khi phát hiện tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về hoạt động Đo đạc và Bản đồ hoặc các hành vi xâm hại công trình, sản phẩm Đo đạc và Bản đồ phải có biện pháp ngăn chặn và xử lý theo thẩm quyền, đồng thời báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường bằng văn bản.
4. Chỉ đạo cán bộ chuyên môn thường xuyên bổ sung, cập nhật, chỉnh lý biến động về đất đai lên bản đồ cho phù hợp với hiện trạng quản lý, sử dụng.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Khen thưởng và xử lý vi phạm

Tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động Đo đạc và Bản đồ được xét khen thưởng theo chế độ hiện hành; trường hợp vi phạm thì bị xử phạt theo quy định tại Điều 169, Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai năm 2003 và Nghị định số 173/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ.

Điều 15. Sửa đổi, bổ sung Quy định

Quy định này được triển khai thống nhất trên địa bàn tỉnh. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các vướng mắc, các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phản ánh kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo giải quyết./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đinh Văn Điển